SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **TRƯỜNG TH – THCS - THPT MÙA XUÂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 95 /MX	*Thành phố Hồ Chí Minh., ngày 18 tháng 9 năm 2023*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy chế công khai trong trường học theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2023-2024

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GDĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường TH-THCS-THPT Mùa Xuân xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai trong nhà trường năm học 2023-2024 như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tính dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và nâng cao hiệu quả giáo dục.

Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp, các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan, chống các biểu hiệu tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng một tập thể dân chủ, đoàn kết.

Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm học.

Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

Tổ chức thực hiện các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở xây dựng mối đoàn kết trong nội bộ trong trường học.

Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các

thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

II. Nội dung thực hiện công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Điều kiện tuyển sinh vào lớp đầu cấp của nhà trường, thực hiện chương trình giáo dục, công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh, những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được, khả năng học tập tiếp tục của học sinh (*đính kèm biểu mẫu số 05, 09*)

b) Chất lượng giáo dục thực tế: Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh cuối kỳ, cuối năm học theo từng khối lớp; số học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp quận, Thành phố, Quốc gia; số học sinh đủ điều kiện xét hoàn thành bậc Tiểu học, xét tốt nghiệp THCS, số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS, tỉ lệ học sinh được tuyển vào THPT, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT. Số học sinh nam/ số học sinh nữ từng khối lớp, số học sinh dân tộc thiểu số. (*đính kèm biểu mẫu số 06, 10*)

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết qua đạt được qua các mốc thời gian:

d) Công khai kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: Công khai Kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Cơ sở vật chất: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng phục vụ học tập, sân chơi, bãi tập; số thiết bị dạy học đang sử dụng; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện sáng, tường rào bảo vệ … (*đính kèm biểu mẫu số 07, 11*)

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạnh chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (*đính kèm biểu mẫu số 08, 12*)

3. Công khai thu chi tài chính

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi

dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài.

Công khai kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hang năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội,

III. Hình thức và thời điểm công khai

a) Hình thức:

- Công khai trên website của nhà trường.
- Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, hội nghị ban đại diện CMHS.

b) Thời điểm công khai:

Công khai định kỳ hằng tháng, hằng kỳ, hằng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, thời điểm công khai vào tháng 6 hằng năm và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

- Triển khai kế hoạch Quy chế công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 đến tập thể CB, GV, NV và phụ huynh học sinh.

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra thực hiện việc thực hiện công khai của nhà trường, của các cấp.

-Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cấp trên:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2022 – 2023 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2023 – 2024 trước ngày 30/9.

2. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Qui chế công khai (Đính kèm Quyết định của trường TH – THCS – THPT Mùa Xuân)

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công khai về chất lượng giáo dục, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2023 – 2024 của trường TH – THCS – THPT Mùa Xuân./.

Nơi nhận:
- Phòng KT&KĐCLGD;
- Ban chỉ đạo;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MÙA XUÂN

Nguyễn Bác Dụng

Biểu mẫu 05

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH – THCS -THPT MÙA XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của nhà trường năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện Kế hoạch Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các các lớp đầu cấp từ năm 2022 - 2023 ban hành kèm theo quyết số 1153/ QĐ- UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của UBND Thành Phố.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục PT 2018 đối với khối lớp 1,2,3,4			Chương trình BGD&ĐT hiện hành đối với khối lớp 5	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	-Phối hợp tốt giữa nhà trường và PHHS nhằm tạo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, nề nếp, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, chất lượng giáo dục cao. -Yêu cầu thái độ học tập của học sinh: • Chấp hành tốt các nội quy hoc sinh. • Thái độ học tập tích cực, chủ động. • Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. • Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. • Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Xây dựng môi trường xanh, sạch đẹp, an toàn. - Lớp học thông thoáng, đủ ánh sáng , máy lạnh - Đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế, thiết bị dạy học cho các lớp. - Các lớp học được trang bị đầy đủ phương tiện học tập hiện đại. - Có phòng học bộ môn phục vụ học tập như các phòng: Tin học, Mỹ thuật, Âm nhạc, Múa, Võ thuật… - Có sân chơi rộng rãi, sân đa năng, hồ bơi. - Sau giờ học có các câu lạc bộ tự chọn. - Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tham gia các hội thi, các giải thi đấu TDTT cấp quận, Thành phố và Quốc gia.				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất - 100% học sinh hoàn thành chương trình học của lớp . - 100% Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học - Đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh, sức khỏe cho học sinh. - HS bán trú được chăm sóc tốt, bữa ăn đảm bảo đủ dinh dưỡng, sinh hoạt đúng giờ giấc, - 100% học sinh được tham gia BHYT và khám sức khỏe vào đầu năm học.				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- 100% HS lên lớp đối với học sinh lớp 1,2,3,4. - 100% học sinh lớp 5 Hoàn thành chương trình tiểu học - Đủ khả năng để học ở cấp học trên.				

Tp Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRUNG HỌC CƠ SỞ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MÙA XUÂN

NGUYỄN BÁC DỤNG

Biểu mẫu 06

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH – THCS -THPT MÙA XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022-2023

STT	Nội dung		Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**		913	154	166	153	207	233
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày**		913	154	166	153	207	233
III	**Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất**		913	154	166	153	207	233
1	*Khối 1,2,3* *HTT(tỷ lệ so với tổng số)*	*Khối 4,5* *Tốt (tỷ lệ so với tổng số)*	878 96.2%	142 92.2%	154 92.8%	145 94.8%	206 99.5%	231 99.1%
2	*Khối 1,2,3* *HT (tỷ lệ so với tổng số)*	*Khối 4,5* *Đạt (tỷ lệ so với tổng số)*	35 3.8%	12 7.8%	12 7.2%	8 5.2%	1 0.5%	2 0.9%
3	*Khối 1,2,3* *CHT(tỷ lệ so với tổng số)*	*Khối 4,5* *Cần cố gắng(tỷ lệ so với tổng số)*	0	0	0	0	0	0
IV	**Số học sinh chia theo kết quả học tập**		913	154	166	153	207	233
1	*Khối 1,2,3* *Hoàn thành xuất sắc* *(tỷ lệ so với tổng số)*	*Khối 4,5* *Hoàn thành tốt* *(tỷ lệ so với tổng số)*	811 88.8%	124 80.5%	147 88.6%	132 86.3%	182 87.9%	226 97.0%
2	*Khối 1,2,3* *Hoàn thành tốt* *(tỷ lệ so với tổng số)*	*Khối 4,5* *Hoàn thành* *(tỷ lệ so với tổng số)*	102 11.2%	30 19.5%	19 11.4%	21 13.7%	25 12.1%	7 3.0%
3	*Khối 1,2,3* *Hoàn thành* *(tỷ lệ so với tổng số*	*Khối 4,5* *Chưa hoàn thành* *(tỷ lệ so với tổng số)*	0	0	0	0	0	0
V	**Tổng hợp kết quả cuối năm**		913	154	166	153	207	233
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		913 100%	154 100%	166 100%	153 100%	207 100%	233 100%
a	*Trong đó:* *HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)*		611 66.9%	119 77.3%	114 68.7%	94 61.4%	116 56%	168 72.1
b	*HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)*		611 66.9%	119 77.3%	114 68.7%	94 61.4%	116 56%	168 72.1
2	Ở lại lớp(tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0	0

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MÙA XUÂN

NGUYỄN BÁC DỤNG

Biểu mẫu 7

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH – THCS -THPT MÙA XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**	42	2.7 m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	42	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	**Số điểm trường lẻ**		-
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)	8763 m^2	
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	1364 m^2	
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	60 m^2	
2	Diện tích thư viện (m^2)	645.4 m^2	
3	*Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m^2)*	605 m^2	
4	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m^2)*	180 m^2	
5	*Diện tích phòng ngoại ngữ (m^2)*		
6	*Diện tích phòng học tin học (m^2)*	180 m^2	
7	*Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)*	60m^2	
8	*Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m^2)*	120m^2	
9	*Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)*		
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quyđịnh	554	15 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 1	182	26 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	113	16 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	80	11bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	85	12 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	94	10 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		

VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	288	3 học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	44	1 máy/ lớp
5	Thiết bị khác...		
6	…..		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	1 (300 m^2)
XI	**Nhà ăn**	3 (1600 m^2)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	42 phòng 2520 m^2	913	2.7 m^2 /chỗ
XIII	**Khu nội trú**			

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	26		42/28		1.5m^2/1.5m^2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

		Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MÙA XUÂN

NGUYỄN BÁC DỤNG

Biểu mẫu 08

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH – THCS -THPT MÙA XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	100	1	3	95	2	2								
I	**Giáo viên**	96										94	2		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	28			28										
3	Tin học	3		1	2										
4	Âm nhạc	2			2										
5	Mỹ thuật	3			3										
6	Thể dục	4		2	2										
II	**Cán bộ quản lý**														
1	Hiệu trưởng	1	1												
2	Phó hiệu trưởng	1			1										
III	**Nhân viên**														
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	7		1	6										
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	3			1		2								
5	Nhân viên thư viện	3			3										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										
7	Nhân viên công nghệ thông tin	5			5										
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	3			3										

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MÙA XUÂN

NGUYỄN BÁC DỤNG

Biểu mẫu 09

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH – THCS -THPT MÙA XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023 -2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp						
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện Kế hoạch Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các các lớp đầu cấp từ năm 2022 - 2023 ban hành kèm theo quyết số 1153/ QĐ- UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của UBND Thành Phố						
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục PT 2018 của BGD &ĐT đối với khối lớp 6,7,8,10,11			Chương trình giáo dục PT hiện hành của BGD &ĐT đối với khối lớp 9,12			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	-Phối hợp tốt giữa nhà trường và PHHS nhằm tạo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, nề nếp, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, chất lượng giáo dục cao. -Yêu cầu thái độ học tập của học sinh: • Chấp hành tốt các nội quy hoc sinh. • Thái độ học tập tích cực, chủ động. • Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. • Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.						
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Xây dựng môi trường xanh, sạch đẹp, an toàn. - Lớp học thông thoáng, đủ ánh sáng , máy lạnh - Đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế, thiết bị dạy học cho các lớp. - Các lớp học được trang bị đầy đủ phương tiện học tập hiện đại. - Có phòng học bộ môn phục vụ học tập như các phòng: Tin học, Mỹ thuật, Âm nhạc, Múa, Võ thuật… - Có sân chơi rộng rãi, sân đa năng, hồ bơi. - Sau giờ học có các lớp câu lạc bộ tự chọn. - Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, da nghiên cứu khoa học, các giải thi đấu TDTT cấp quận, Thành phố và Quốc gia.						
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 100% học sinh hoàn thành rèn luyện phẩm chất đạo đức khá tốt. Không có HS hạnh kiểm Trung bình - 65 % học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi. - 100% Học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS - 100% Học sinh lớp 12 được công nhận tốt nghiệp THPT - Đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh, sức khỏe cho học sinh. - HS bán trú được chăm sóc tốt, bữa ăn đảm bảo đủ dinh dưỡng, sinh hoạt đúng giờ giấc. - 100% học sinh được tham gia BHYT và khám sức khỏe vào đầu năm học.						
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- 100% học sinh được trang bị kiến thức và phẩm chất đủ khả năng để học ở lớp trên hoặc cấp học trên						

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC TRUNG HỌC CƠ SỞ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MÙA XUÂN

NGUYỄN BÁC DỤNG

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH – THCS -THPT MÙA XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	10	11	12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	688	165	110	114	110	77	57	55
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	687 99.85%	165 100%	110 100%	114 100%	110 100%	76 98.7%	57 100%	55 100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.15%	0	0	0	0	1 1.3%	0	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**Số học sinh chia theo học lực**	688	165	110	114	110	77	57	55
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	623 90.6%	146 88.5%	94 85.5%	102 89.5%	104 94.55%	74 96.1%	48 84.2%	55 100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	62 9.0%	19 11.5%	16 14.5%	11 9.7%	6 5.55%	1 1.3%	9 15.8%	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.4%	0	0	1 0.9%	0	2 2.6%	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**								
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	688 100%	165 100%	110 100%	114 100%	110 100%	77 100%	57 100%	55 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	623 90.6%	146 88.5%	94 85.5%	102 89.5%	104 94.55%	74 96.1%	48 84.2%	55 100%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	62 9.0%	19 11.5%	16 14.5%	11 9.7%	6 5.55%	1 1.3%	9 15.8%	0
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0

4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	25/21 3.6 % 3.1%	0	10/4 9.1% 3.6%	8/10 7.0% 8.8%	7/5 6.4% 4.5%	0/0 0% 0%	0/0 0% 0%	0/2 0% 3.6%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi								
1	Cấp huyện					12			
2	Cấp tỉnh/thành phố					1			8
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế								
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	THCS: 110 THPT: 55				110			55
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	THCS: 110 THPT:55				110			55 100%
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					104 94.55%			
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					6 5.55%			
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					0			
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)								55 100%
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	317/371	70/95	51/59	56/58	46/64	40/37	30/27	24/31
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	11	2	5	2	2	3	2	1

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
MÙA XUÂN

NGUYỄN BÁC DỤNG

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH – THCS -THPT MÙA XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	52	2.8 m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	37	2.8 m^2/học sinh
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	9	2.8 m^2/học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	6	2.8 m^2/học sinh
7	Bình quân lớp/phòng học		1 lớp/phòng học
8	Bình quân học sinh/lớp		21 học sinh/lớp
III	**Số điểm trường**		-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	8763 m^2	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	1364 m^2	
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	1980 m^2	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	540 m^2	
3	Diện tích thư viện (m^2)	645.4m^2	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	605m^2	
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*		
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	221	6 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 6	40	4 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 7	40	6 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8	24	5 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9	44	8 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 10	31	8 bộ/lớp
1.6	Khối lớp 11	15	5 bộ/lớp
1.7	Khối lớp 12	32	8 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		

2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
2.5	Khối lớp 10		
2.6	Khối lớp 11		
2.7	Khối lớp 12		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	250 m^2	
4	...		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)**		**Số học sinh/bộ**
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		**Số thiết bị/lớp**
1	Ti vi	38 cái	1 ti vi/ lóp
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác...		
6	.....		

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**		**Số thiết bị/lớp**
1	Ti vi	38	1 ti vi/ lóp
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	Nhà bếp	1 (300 m^2)
XI	Nhà ăn	3 (1600m^2)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	33 (1980 m^2)	688	2.8m^2/ chỗ
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	32		52/50		1.5m^2/1.5m^2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tưsố 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MÙA XUÂN

NGUYỄN BÁC DỤNG

Biểu mẫu 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH – THCS -THPT MÙA XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	169	1	15	134	7	3	9							
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:	46										44	2		
1	Toán	9		6	3										
2	Lý	4		1	3										
3	Hóa	2			2										
4	Sinh	2		1	1										
5	Ngữ văn	8		5	3										
6	Ngoại ngữ	3			3										
7	Lịch sử	4		1	3										
8	Địa lý	2			2										
9	Công nghệ	2			2										
10	GDCD	2			2										
11	Tin học	2			2										
12	Mỹ thuật	2			2										
13	Âm nhạc	1			1										
14	Giáo dục thể chất	2			2										
15	Giáo dục Quốc phòng	1			1										
II	**Cán bộ quản lý**														
1	Hiệu trưởng	1	1												
2	Phó hiệu trưởng	1			1										
III	**Nhân viên**														
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	7		1	6										
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	3			1		2								
5	Nhân viên thư viện	3			3										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										

7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	2			2										
8	Nhân viên công nghệ thông tin	5			5										
9	Nhân viên khác	56													

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN BÁC DỤNG